TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ L** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 14/7/2020
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Vũ Toàn**.

Các Hội thẩm nhân:

1. Ông **Võ Đức Hơn**

2. Bà **Vũ Thị Minh Huệ**

***Thư ký phiên tòa*:** Ông **Võ Chí Công** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận *tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Thị Nữ** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 27/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ông **Nguyễn Thế L** – sinh năm 1976. Có mặt.
- **Bị đơn:** Bà **Lê Trần Tố N** – sinh năm 1983. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khu phố 8, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, nuôi con ngày 27.12.2019 và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, ông Nguyễn Thế L – nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Thế L và bà Lê Trần Tố N chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phước Lộc, thị xã L, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 126, quyển số 01/2006 đăng ký ngày 04/10/2006.

Sau khi kết hôn, ông L và bà N chung sống tại nhà cha mẹ ông L được hai năm rồi ra ở riêng. Trong thời gian chung sống giữa ông và bà N đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Ông L làm nghề biển, bà N buôn bán rau, bán quán nhậu, bà N thường đi chơi với bạn bè và thường rủ bạn bè về nhà chơi. Ngoài ra, trong cuộc

sống giữa ông bà làm ăn có phát sinh nợ nần. Mâu thuẫn giữa ông và bà N xảy ra, bà N có cầm dao hâm dọa ông, rồi đuổi ông ra khỏi nhà; Sau đó, ông L có về nhà cha mẹ ông ở một thời gian. Ông và bà N có hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được; Gia đình cha mẹ hai bên có hòa giải cho vợ chồng ông L nhưng không có kết quả. Hiện nay, ông L và bà N không còn sống chung với nhau, bà N dắt hai con về nhà cha mẹ ở một thời gian rồi về ở tại căn nhà chung của vợ chồng. Bà N là người theo đạo thiên chúa nên không đồng ý ly hôn ông. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, nên ông L yêu cầu được ly hôn với bà Lê Trần Tố N.

Về con chung: Ông L và bà N có 02 con chung: Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 01/01/2008; Nguyễn Đăng K, sinh ngày 17.8.2010, hiện hai cháu đang sống với bà N. Khi ly hôn, ông L đồng ý giao cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, ông L cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Bị đơn: Bà Lê Trần Tố N:

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng bà N không chấp hành.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt không lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo pháp luật tố tụng; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng pháp luật.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Thế L.

- Về con chung: Giao cho bà Lê Trần Tố N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung: Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 01/01/2008; Nguyễn Đăng K, sinh ngày 17.8.2010. Ông L cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Ông L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn và về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Xét yêu cầu ly hôn, nuôi con của ông Nguyễn Thế L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã La Gi.

[2] Về thủ tục: Tòa án đã tiến hành tống đạt, triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà Lê Trần Tố N vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hôn nhân:

Xét yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Thế L, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Thế L và bà Lê Trần Tố N là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống chung, giữa ông L và bà N đã xảy ra mâu thuẫn, ông bà đã hòa giải nhiều lần nhưng không thể hàn gắn lại, giữa ông bà hiện tại đã không còn tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau nên đã không còn sống chung. Tòa án đã tiến hành triệu tập, niêm yết các thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng bà N không chấp hành. Theo ông L trình bày: Mâu thuẫn giữa ông và bà N xảy ra gia đình có hòa giải nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa ông L vẫn kiên quyết ly hôn với bà N. Điều đó chứng tỏ giữa ông L và bà N không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc. Xét mâu thuẫn giữa ông L và bà N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Thế L là phù hợp, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Ông L đồng ý giao cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần xem xét đến việc đảm bảo quyền lợi cho con về mọi mặt. Hiện nay 02 cháu Nguyễn Ngọc Phương T và Nguyễn Đăng K đang ở với bà N, nguyên vọng của hai cháu xin ở với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cho bà Lê Trần Tố N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung: Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 01/01/2008; Nguyễn Đăng K, sinh ngày 17.8.2010 là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng: Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, ông L tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông L.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Ông L không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Ông L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn và về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1, 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 262; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, 53, 54, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Thế L.

Ông Nguyễn Thế L được ly hôn với bà Lê Trần Tố N.

2.Về con chung: Giao cho bà Lê Trần Tố N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung: Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 01/01/2008; Nguyễn Đăng K, sinh ngày 17.8.2010.

Ông Nguyễn Thế L được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Buộc ông Nguyễn Thế L phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi con 1.000.000 đồng/tháng (tức hai con 2.000.000 đồng/tháng) cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

4.Về tài sản chung, nợ chung: Ông L không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Thế L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn, và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0022633 ngày 07/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L. Ông L còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/7/2020). Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- UBND p. Phước Lộc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Vũ Toàn